CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

-----oo0oo------

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Sửa đổi, bổ sung lần 2)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực-quyển số:.....24.0.05.-.0.5...SCT/BS
27 -05- 2016
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐAKAO

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

CHƯƠNG I **3**

ĐIỀU KHOẢN CHUNG **3**

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA MỘT SỐ TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ: 3

ĐIỀU 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ CÔNG TY & HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG: 4

ĐIỀU 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: 5

ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY: 6

ĐIỀU 5 . TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG DOANH NGHIỆP: 7

CHƯƠNG II **7**

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY **7**

ĐIỀU 6. QUYỀN CỦA CÔNG TY: 7

ĐIỀU 7. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY: 7

CHƯƠNG III **8**

VỐN HOẠT ĐỘNG **8**

ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ: 8

ĐIỀU 9. CÁC LOẠI VỐN KHÁC: 9

CHƯƠNG IV **9**

CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG **9**

ĐIỀU 10. CỔ PHẦN: 9

ĐIỀU 11. CỔ PHIẾU: 10

ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ CỔ PHẦN: 10

ĐIỀU 13. CỔ ĐÔNG: 13

ĐIỀU 14. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG: 14

ĐIỀU 15. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG: 14

CHƯƠNG V **15**

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY **15**

ĐIỀU 16. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:

ĐIỀU 17. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: 16

ĐIỀU 18. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: 16

ĐIỀU 19. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: 16

ĐIỀU 20. THÔNG BÁO TRIỆU TẬP VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: 18

ĐIỀU 21. THỂ THỨC TIẾN HÀNH VÀ BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: 18

ĐIỀU 22. THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: 19

ĐIỀU 23. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: 20

ĐIỀU 24. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: 21

ĐIỀU 25. TIÊU CHUẨN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: 21

ĐIỀU 26. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: 21

ĐIỀU 27. QUYỀN LỢI CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: 22

ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: 22

ĐIỀU 29. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: 23
ĐIỀU 30. TỪ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:24
ĐIỀU 31. TỔNG GIÁM ĐỐC: 24
ĐIỀU 32. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN TỔNG GIÁM ĐỐC:....24
DIỀU 33. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC: 24
ĐIỀU 34. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY:....25
ĐIỀU 35. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀO BAN KIỂM SOÁT: 25
Điều 36. QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ, QUYỀN LỢI CỦA BAN KIỂM SOÁT:....25
ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT:....26
ĐIỀU 38. THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:....26
ĐIỀU 39. CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:....27
CHƯƠNG VI 27
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 27
ĐIỀU 40. CỔ TỨC: 27
ĐIỀU 41. TRÍCH QUỸ:....27
ĐIỀU 42. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN:....28
ĐIỀU 43. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO: 28
ĐIỀU 44. KIỂM TOÁN:....28
ĐIỀU 45. CON DẤU:....28
CHƯƠNG VII 28
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP 28
ĐIỀU 46. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY 28
ĐIỀU 47. THANH LÝ 29
ĐIỀU 48. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 29
CHƯƠNG VIII 30
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG....30
ĐIỀU 49. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ: 30
ĐIỀU 50. HIỆU LỰC THI HÀNH:....30

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày ngày 01 tháng 7 năm 2015
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp.
- Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty Cổ phần;
- Quyết định số 1633/QĐ-BXD ngày 24 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1;
- Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch Ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty VLXD số 1 thành Công ty cổ phần.

Chúng tôi, gồm tất cả những cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 26 tháng 4 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai đã thảo luận, góp ý và nhất trí thông qua bản sửa đổi lần 2 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai. Chúng tôi cam kết không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, 3 điều 18 luật Doanh nghiệp 2014, cùng tán thành và cam kết thực hiện theo những quy định trong Bản điều lệ, gồm các điều khoản như sau:

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA MỘT SỐ TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ:

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1 Khái niệm "Công ty" trong Điều lệ này được hiểu là Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai

1.2 "Cổ đông" là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa.

1.3 "Cổ phần" là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

1.4 "Cổ phiếu" là bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

1.5 "Trái phiếu" là hình thức nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu.

1.6 "Cổ tức" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành để trả cho mỗi cổ phần.

1.7 "Nhóm cổ đông": Cổ đông của Công ty có thể tự thỏa thuận với nhau để hợp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông.

1.8 "Đại hội đồng cổ đông" gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1.9 "Hội đồng quản trị"viết tắt là HĐQT, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.10 Khái niệm "người có liên quan" trong bản Điều lệ này là những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp dưới đây:

- Doanh nghiệp mẹ và doanh nghiệp con;
- Doanh nghiệp và người hoặc nhóm người chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp;
- Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thâu tóm cổ phần nhằm chi phối việc ra quyết định của Công ty;
- Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

1.11 "Vốn Điều lệ" công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho công ty.

1.12 "Ngày thành lập Công ty" là ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

1.13 "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014 /QH13 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 / 11/ 2014 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015

1.14 "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt nam ban hành theo từng thời kỳ, còn hiệu lực thi hành và liên quan đến các hoạt động của Công ty.

1.15 "Ngày làm việc" là ngày làm việc thực tế theo quy định của Nội quy lao động công ty. Các đơn vị thời gian khác được hiểu theo lịch.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

ĐIỀU 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ CÔNG TY & HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG:

1. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

2. Tên giao dịch: **ĐONGNAI BRICK AND TILE CORPORATION**

3. Tên viết tắt: **TUILDONAI CORP.**

4. Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: Số 119 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84.8.38228124 – 38223978 – 38295881 Fax: 84.8.38242493

Website: www.tuildonai.com.vn

Trường hợp thay đổi trụ sở chính hoặc mở thêm địa điểm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

5. Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai là công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các luật khác có liên quan.

6. Công ty là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân độc lập phù hợp với Pháp luật Việt nam, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, được phép mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam và nước ngoài, chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ của công ty.

7. Con dấu công ty : Con dấu của công ty là tài sản Doanh nghiệp, là công cụ để công ty ban hành văn bản điều hành, quản lý Doanh nghiệp.

ĐIỀU 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

1. Mục tiêu hoạt động:

Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng nâng cao uy tín, chất lượng phục vụ, cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao và chuyên nghiệp đến người tiêu dùng. Đồng thời, công ty chủ trương không ngừng phát triển và đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh, luôn biết lắng nghe học hỏi, không ngừng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách hoàn hảo và hiệu quả nhất, mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai hoạt động sản xuất kinh doanh theo những ngành nghề sau đây:

2.1 Công nghiệp sản xuất gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng,

2.2 Khai thác, chế biến khoáng sản,

2.3 Đầu tư kinh doanh nhà, đô thị, văn phòng, căn hộ cao cấp, khu công nghiệp và khu dân cư,

2.4 Môi giới bất động sản.

2.5 Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu công nghiệp.

2.6 Trang trí nội ngoại thất công trình;

2.7 Sản xuất, mua, bán các loại vật liệu xây dựng, vật tư, máy móc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng;

2.8 Đại lý kinh doanh xăng dầu;

2.9 Mua bán thiết bị văn phòng, đồ gỗ, kim khí điện máy.

2.10 Quảng cáo thương mại.

2.11 Mua bán hàng tiêu dùng: thực phẩm, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy.

2.12 Tư vấn và chuyển giao công nghệ sản xuất gốm thô. Tư vấn chuyển giao công nghệ theo hình thức chìa khóa trao tay;

2.13 Dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa và tư vấn đầu tư.

2.14 Kinh doanh Bất động sản

a) Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

b) Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

c) Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;

d) Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;

đ) Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.

2.15 Kinh doanh dịch vụ bất động sản

a) Dịch vụ môi giới bất động sản;

b) Dịch vụ định giá bất động sản;

c) Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

d) Dịch vụ tư vấn bất động sản;

đ) Dịch vụ đấu giá bất động sản;

e) Dịch vụ quảng cáo bất động sản;

g) Dịch vụ quản lý bất động sản.

2.16 Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn và phạm vi hoạt động:

3.1 Thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn và tuân thủ theo đúng tinh thần của luật doanh nghiệp.

3.2 Công ty có thể chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Việc giải thể phá sản Công ty được quy định tại Chương VII của điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

3.3 Công ty có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3.4 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện; bình đẳng; dân chủ; công khai; tôn trọng pháp luật; bảo toàn vốn và sinh lợi.

2. Các cổ đông của công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận hoặc cùng chịu lỗ và chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi phần vốn đã góp vào công ty. Lợi ích hợp pháp của pháp nhân, thể nhân góp vốn được pháp luật bảo vệ.

3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý công ty, làm chủ tọa trong các kỳ đại hội đồng cổ đông; bầu Ban kiểm soát để kiểm soát hoạt động Công ty.

5. Điều hành hoạt động hàng ngày của công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo các quy định của pháp luật và điều lệ này.

ĐIỀU 5 . TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG DOANH NGHIỆP:

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật Việt nam. Công ty tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 6. QUYỀN CỦA CÔNG TY:

Công ty có các quyền:

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;

2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh;

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;

4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;

5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu;

6. Tuyển và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;

7. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY:

Các nghĩa vụ của công ty:

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký;

2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.

3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì

phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh;

6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
VỐN HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ:

1. Vốn Điều lệ do các cổ đông công ty tự nguyện đóng góp. Tại thời điểm thành lập, vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong điều lệ công ty. Tất cả các cổ phần do công ty phát hành lần đầu đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ.

2. Vốn điều lệ có thể được góp bằng tiền đồng Việt Nam, bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, ... Vốn góp phải phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh và được hạch toán theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam (VNĐ). Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị là người xác định giá trị các tài sản góp vốn. Hội đồng quản trị có thể chỉ định các tổ chức giám định độc lập tiến hành công việc giám định giá trị tài sản góp vốn.

   Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng), chia thành 6.000.000 cổ phần (sáu triệu cổ phần), mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

3. Vốn điều lệ của Công ty được tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu kinh doanh và quy mô hoạt động của Công ty. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định. Thủ tục tăng hoặc giảm vốn điều lệ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Công ty có thể tăng vốn điều lệ dưới các hình thức sau:

4.1. Phát hành thêm cổ phiếu mới theo các quy định của pháp luật;

4.2. Chuyển từ các quỹ hoặc lợi nhuận giữ lại thành cổ phần cho các cổ đông hoặc chuyển trái phiếu thành cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật.

5. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, giá cổ phiếu phát hành mới có thể cao hoặc thấp hơn mệnh giá cổ phiếu ghi trong điều lệ, do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán cổ phiếu đó, ngoại trừ những cổ phiếu được ưu tiên bán cho các cổ đông cũ. Phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá sẽ được hạch toán theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Sau khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công bố vốn điều lệ mới của công ty theo quy định của pháp luật.

7. Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo quy định của pháp luật và điều lệ này. Trường hợp cổ phần được công ty mua lại đều được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như:

8.1 Mua sắm tài sản cố định, máy móc, trang thiết bị cần thiết để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty, đổi mới công nghệ.

8.2 Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

8.3 Mua cổ phiếu, góp vốn, liên doanh, liên kết với các pháp nhân và thể nhân khác.

8.4 Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;

8.5 Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 9. CÁC LOẠI VỐN KHÁC:

1. Vốn huy động là tài sản của các chủ sở hữu khác. Công ty được quyền huy động vốn khác để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn, lãi và phí (nếu có).

2. Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc phát hành các loại chứng khoán nợ ra công chúng và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty.

4. Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế của các chủ nợ sở hữu trái phiếu của công ty. Việc chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế phải tuân theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Chương IV

CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG – CỔ TỨC.

ĐIỀU 10. CỔ PHẦN:

1. Tại thời điểm thành lập, công ty chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông và người sở hữu loại cổ phần này là cổ đông phổ thông. Ngoài cổ phần phổ thông. công ty có cổ phần ưu đãi và người sở hữu loại cổ phần này là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm có : Cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi khác. Người được mua cổ phần ưu đãi do đại hội cổ đông quyết định. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định có thêm loại cổ phần khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi, ngược lại, cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

3. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập:

3.1 Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

3.2 Sau thời hạn 3 (ba) năm quy định ở trên, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.

ĐIỀU 11. CỔ PHIẾU:

1. Cổ phiếu hoặc sổ chứng nhận cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên, mã số doanh nghiệp, trụ sở công ty;
- Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- Họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác. Đối với cổ đông là tổ chức phải có tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính.
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;
- Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117, 118 của luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Công ty sẽ phát hành cổ phiếu dưới hình thức bút toán ghi sổ.

3. Đăng ký cổ phiếu:

3.1 Cổ đông được đăng ký tên cổ đông và số lượng cổ phần sở hữu vào sổ đăng ký cổ đông của công ty.

3.2 Chủ sở hữu cổ phần do chuyển nhượng hoặc thừa kế chỉ được trở thành cổ đông chính thức của Công ty sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký cổ phần theo quy định của điều lệ này và các quy định khác theo pháp luật hiện hành. Kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông, chủ sở hữu cổ phiếu mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông công ty.

3.3 Trường hợp có sai sót về nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.Người đại diện theo pháp luật công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại (nếu có) do những sai sót đó gây ra. Trường hợp cổ phiêu bị mất, bị hủy hoại hay hư hỏng thì được công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông, cổ đông đó chiu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Cổ phiếu bị mất nếu tìm lại được phải nộp lại công ty để tiêu hủy.

3.4 Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10 triệu đồng Việt nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp lại cổ phiếu mới, người đại diện theo Pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

3.5 Trường hợp cổ phần của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mọi hoạt động đăng ký cổ phần sẽ tuân theo sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3.6 Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được sở hữu tỷ lệ tổng số cổ phần đó.

ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ CỔ PHẦN:

1. Tất cả cổ phần của Công ty đều được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định

của pháp luật và điều lệ của Công ty. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3.1 mục 3 điều 10 của điều lệ này hoặc khoản 3 điều 119 của Luật Doanh nghiệp.Việc chuyển nhượng có thể bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán.Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền ký.Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán. Cổ đông khi chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của công ty hoặc tổ chức trung gian do công ty ủy quyền bằng văn bản.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó đương nhiên là cổ đông của công ty.

3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối quyền thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cô phần đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác, hoặc dùng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này người được tặng cho hoặc nhận nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 điều 121 của luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

6. Các loại cổ phần sau đây bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và điều lệ này:

6.1 Toàn bộ cổ phần của Nhà nước.

6.2 Toàn bộ cổ phần phổ thông được bán với giá ưu đãi cho cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên, thì phải được Hội đồng quản trị công ty chấp thuận. Công ty cổ phần ưu tiên mua lại theo giá thị trường tại thời điểm bán.

6.3 Số cổ phần mà các thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát sở hữu phải nắm giữ trong suốt thời gian đương nhiệm.

7. Việc chuyển nhượng cổ phần trong các trường hợp sau đây phải được chấp thuận của Hội đồng quản trị:

7.1 Trường hợp được nêu tại khoản 2 của điều này;

7.2 Việc chuyển nhượng hoặc ủy quyền đại diện số cổ phần bằng hoặc lớn hơn 5% tổng số cổ phần của công ty tại thời điểm tương ứng;

7.3 Việc chuyển nhượng cổ phần hoặc ủy quyền cho đối thủ cạnh tranh hoặc người có liên quan của họ.

8. Tất cả việc chuyển nhượng cổ phần đều phải thực hiện bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

9. Người thừa kế theo luật định của cổ đông:

9.1 Cổ đông thể nhân:

- Trường hợp thể nhân qua đời hoặc do bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo luật định trở thành cổ đông của công ty. Nếu người này không muốn trở thành cổ đông của công ty thì công ty sẽ được ưu tiên mua lại số cổ phần này.
- Trường hợp thể nhân bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, thì quyền và nghĩa vụ của thể nhân đó trong công ty được thực hiện thông qua người giám hộ của đương sự theo quy định của pháp luật.
- Công ty phải nộp giá trị cổ phần của cổ đông vào ngân sách Nhà nước trong trường hợp cổ đông là thể nhân qua đời, hoặc do bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố là đã chết hoặc đã mất tích mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế khước từ di sản hay bị truất quyền thừa kế.

9.2 Cổ đông pháp nhân:

Trong trường hợp pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản hoặc pháp nhân được tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức) thì việc giải quyết số cổ phần của cổ đông này sẽ tuân theo quy định của pháp luật.

10. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần mới phát hành, nhận chuyển nhượng cổ phần theo quy định về mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần và thực hiện đăng ký cổ đông, hoặc đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp.

11. Phát hành trái phiếu :

11.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

11.2 HĐQT công ty có quyền quyết định loại trái phếu, tổng giá trị trái phiếu và thời gian phát hành nhưng phải báo cáo đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của HĐQT về phát hành trái phiếu.

11.3 Trường hợp công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự chào bán cổ phần theo quy định của luật Doanh nghiệp và các luật khác có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

12 Mua lại cổ phần của cổ đông :

12.1 Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình, yêu cầu phải bằng văn bản ghi rõ họ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong vòng 10 ngày, kể từ ngày đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

12.2 Công ty phải mua lại cổ phần của cổ đông quy định tại khoản 12.1 theo giá thị trường, hoặc giá do HĐQT quyết định, trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được giá, các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 3 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

13 Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty :

13.1 Công ty có quyền mua lại không quá 30 % tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo các quy định sau đây:

13.1.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10 % tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do đại hội đồng cổ đông quyết định.

13.1.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, đối với cổ phần phổ thông, giá mua không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

13.1.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng hình thức đảm bảo đến được tất cả cổ đông trong vòng 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

13.1.4 Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng hình thức đảm bảo đến được công ty trong vòng 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Đối với cổ đông là cá nhân, chào bán phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác. Đối với cổ đông là tổ chức, phải có tên tổ chức, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập. Công ty chỉ mua lại số cổ phần chào bán trong thời hạn nói trên.

14. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại.

14.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định của điều 129, 130 của Luật Doanh nghiệp nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác.

14.2 Cổ phần được mua lại theo quy định của điều 129, 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của khoản 4 điều 111 của luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành thanh toán mua lại cổ phần.

14.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sổ hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đủ.

14.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10 % thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

ĐIỀU 13. CỔ ĐÔNG:

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay thể nhân, chủ sở hữu một hay nhiều cổ phần do công ty phát hành. Cổ đông là những người chủ sở hữu của công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.

2. Người đại diện của cổ đông tại Công ty:

2.1 Người đại diện của cổ đông pháp nhân là:

2.1.1 Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện pháp nhân đó. Người được ủy quyền đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác.

2.1.2 Người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2.1.3 Cổ đông thể nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện.

2.1.4 Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của công ty.

2.1.5 Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho nhóm cổ đông phải có sự chấp thuận của toàn bộ cổ đông này bằng văn bản.

3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ cổ đông lưu tại Công ty.

3.1 Tất cả các tổ chức là pháp nhân, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không phân biệt nơi đăng ký trụ sở chính và mọi cá nhân, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú, nếu không thuộc đối tượng quy định của Luật Doanh nghiệp, đều có quyền mua cổ phần với mức không hạn chế theo quy định tương ứng của Luật doanh nghiệp.

3.2 Khi Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, các giới hạn về sở hữu cổ phần sẽ tuân theo các điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 14. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG:

1. Cổ đông phổ thông có các quyền như sau:

- Tham dự và phát biểu, biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- Được tự do chuyển nhượng, thừa kế hoặc cầm cố cổ phần theo điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, điều 119 và khoản 1 điều 126 của Luật Doanh nghiệp.
- Khi công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác;
- Cổ đông có các quyền khác do điều lệ và luật doanh nghiệp quy định.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên, trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có các quyền:

- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
- Yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3, điều 114 Luật Doanh nghiệp.
- Yêu cầu ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty nếu xét thấy cần thiết. Các yêu cầu phải theo đúng quy định tại khoản d mục 1 điều 114 luật Doanh nghiệp.
- Các quyền khác do điều lệ và Luật doanh nghiệp quy định.

Quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát, quyền yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông này phải thực hiện đúng thủ tục và đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của Luật doanh nghiệp.

ĐIỀU 15. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.

15.1 Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ:

- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;
- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
- Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty;
- Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản khi thay đổi địa chỉ của mình để công ty có điều kiện chuyển thông báo và gửi tài liệu khi có yêu cầu;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác do điều lệ và pháp luật quy định.

15.2 : Cổ tức :

- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được chi trả cổ tức cho cổ phần phổ thông khi đã đảm bảo đủ điều kiện sau : Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật. Nếu trả bằng tiền mặt thì chỉ được chi trả bằng tiền đồng Việt nam.
- Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ cho cổ đông trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày kết thúc đại hội đồng cổ đông thường niên. Thông báo trả cổ tức phải gửi cho cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập Danh sách cổ đông và và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
- Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123, 124 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Chương V

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 16. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

2. Công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty (hoặc chủ tịch HĐQT). Khi cần thay đổi người đại diện pháp luật sẽ do HĐQT công ty quyết định.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 17. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

ĐIỀU 18 : NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh hàng năm;
3. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Quyết định tỷ lệ trích lập và phương án sử dụng các quỹ của công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị; Quyết định mức chia cổ tức hàng năm;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
5. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty;
6. Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;
7. Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty;
8. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ công ty, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Việc thông qua quyết định này có thể thực hiện bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quyết định của Hội đồng quản trị.
9. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của công ty, phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
10. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty;
11. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
12. Quyết định mua lại hơn 10% số cổ phần đã bán của mỗi loại;
13. Các quyền và nhiệm vụ khác của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật .

ĐIỀU 19. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Thời điểm tổ chức đại hội không quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập hàng năm.
3. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập:

3.1 Theo quyết định của Hội đồng quản trị trong trường hợp:

- Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Bảng cân đối kế toán và các báo cáo định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 50% trở lên;
- Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 114 của luật Doanh nghiệp.
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5, điều 136 Luật doanh nghiệp sẽ được công ty hoàn lại.

4. Người triệu tập họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp; gửi giấy mời họp, chương trình họp và các tài liệu thảo luận đến từng cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Văn bản chương trình, nội dung, thông báo mời họp và tài liệu gửi cho cổ đông căn cứ theo quy định điều 138, 139 của Luật Doanh nghiệp hoặc điều 20 của điều lệ này.

5. Đại hội đồng cổ đông là hợp lệ và được tiến hành căn cứ theo điều 141 Luật Doanh nghiệp, khi có số cổ đông đại diện cho:

5.1 Ít nhất 51 % tổng số phiếu biểu quyết đối với lần triệu tập thứ nhất

5.2 Ít nhất 33 % tổng số phiếu biểu quyết đối với lần triệu tập thứ hai (nếu lần triệu tập thứ nhất bất thành). Cuộc họp lần thứ 2 triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ 1.

5.3 Không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết đối với lần triệu tập thứ ba (nếu lần triệu tập thứ hai bất thành). Cuộc họp lần thứ 3 triệu tập trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ 2.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng. Các thông báo mời họp và hồ sơ dự họp vẫn được gửi cho cổ đông đã chuyển nhượng.

7. Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Trong trường hợp Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, danh sách cổ

đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo các quy định của luật áp dụng cho chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 20. THÔNG BÁO TRIỆU TẬP VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm tên công ty , địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, địa điểm, thời gian, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông và nội dung chương trình nghị sự và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một Nghị quyết đối với các vấn đề trong chương trình họp.

2. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông được gửi cho cổ đông bằng phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương khi xét thấy cần thiết theo quy định của điều lệ công ty. Thông báo phải được gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (kể từ ngày thông báo được gửi đi một cách hợp lệ).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 điều 14 của điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề và chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và được gửi cho Công ty ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 3 điều 20 của điều lệ này nếu:

4.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

4.2 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp.

ĐIỀU 21. THỂ THỨC TIẾN HÀNH, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu chủ tịch vắng mặt mà không có ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị có mặt sẽ bầu chủ tọa của đại hội.

2. Chủ tọa đề cử Ban thư ký để ghi biên bản cuộc họp; đề cử tối đa không quá 03 người làm Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông bầu.

3. Cổ đông đến đại hội muộn (trễ giờ) có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng

4. Quyết định của chủ tọa cuộc họp về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5. Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết bất cứ lúc nào đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

5.1 Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;

5.2 Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở gây diễn biến mất trật tự của cuộc họp;

5.3 Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.4 Khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết

5.5 Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó

6. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông tuân thủ các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho rằng thích hợp. Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho cổ đông hoặc đại diện tham dự nếu họ không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh.

7. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

7.1 Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm họp đại hội đồng cổ đông;

7.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

7.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).

8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp được chủ tọa và thư ký đại hội xác nhận. Các vấn đề được thông qua tại đại hội đồng cổ đông phải được lập thành Nghị quyết đại hội cổ đông. Các văn kiện liên quan đến đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại văn phòng công ty. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hai ủy viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

9. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

ĐIỀU 22. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Việc biểu quyết tại phiên họp chính thức của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp (giơ phiếu biểu quyết) hoặc bằng hình thức bỏ phiếu kín.

3. Thông qua quyết định bằng cách bỏ phiếu tại cuộc họp:

3.1 Số phiếu biểu quyết của mỗi người tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tính bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện.

3.2 Các quyết định sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

3.2.1 Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;

3.2.2 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại hay giải thể công ty;

3.2.3 Thông qua định hướng phát triển công ty;

3.2.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

3.2.5 Quyết định bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo

tài chính gần nhất;

3.2.6 Thông qua báo cáo tài chính năm;

3.3 Các trường hợp quy định tại điểm 3.2.1, 3.2.2, 3.2.5 của điều này thì quyết định được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số người tham dự đại hội đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự chấp thuận.

3.4 Việc biểu quyết bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại điều lệ công ty.

4. Thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty.

4.1 Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điều 145 luật Doanh nghiệp.

4.2 Các tài liệu có liên quan phải được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

4.3 Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

4.4 Kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến trước sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc đại diện cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty; thông báo kết quả lấy ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về công ty.

5. Các quyết định được thông qua bằng văn bản có giá trị tương đương các quyết định được biểu quyết tại phiên họp chính thức của Đại hội đồng cổ đông.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

7. Các quyết định được thông qua có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

ĐIỀU 23. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, điều 114 luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc trọng tài xem xét và huỷ bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại

khoản 2 điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 24. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 (năm) năm. Các thành viên của HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ, đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.
3. Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị được bầu theo thể thức đa số phiếu, tính theo số cổ phần bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc bằng văn bản.
4. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn chủ tịch HĐQT theo thể thức đa số phiếu, mỗi thành viên HĐQT có một phiếu bầu. Việc bầu và bãi miễn tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu.

ĐIỀU 25. TIÊU CHUẨN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Tiêu chuẩn thành viên của Hội đồng quản trị như sau:

1. Phải sở hữu hoặc đại diện pháp nhân sở hữu cổ phần của công ty;
2. Được đề cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% số cổ phần phổ thông của công ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.
3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm,năng lực quản lý doanh nghiệp và năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
4. Phải trung thực và liêm khiết;
5. Có sức khỏe đảm bảo cho công việc;
6. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng cấm quản lý Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 26. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
4. Quyết định phương án đầu tư;
5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán công ty;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền, quyết định mức lương và quyền lợi khác của các cán bộ quản lý đó;
7. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
8. Trình Đại hội đồng cổ đông: các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, quyết toán tài chính hằng năm;

9. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

10. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

11. Duyệt chương trình, chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

12. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 điều 130 của luật Doanh nghiệp.

13. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi điều lệ công ty; kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty;

14. Phê duyệt phương án đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị quan trọng;

15. Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;

16. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản lý gây ra thiệt hại cho Công ty;

17. Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phần bán theo giá ưu đãi của nhà đầu tư chiến lược;

18. Xem xét chấp thuận việc ký kết hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ nếu các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

19. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định những trường hợp cần thiết do nhu cầu sản xuất kinh doanh, mà Hội đồng quản trị nhận thấy cần bổ sung một số ngành nghề kinh doanh để đáp ứng kịp thời thị trường. Sau khi ban hành quyết định, Hội đồng quản trị phải gửi bản sao quyết định đến tất cả các cô đông trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ban hành. Trong thời hạn 5 ngày tiếp theo, nếu không có cổ đông nào có ý kiến phản đối quyết định của Hội đồng quản trị thì quyết định của Hội đồng quản trị trong trường hợp này được xem như quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 27. QUYỀN LỢI CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận khoản thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty. Mức chi phí do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào của Công ty được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó.

ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên Hội đồng quản trị bầu và có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Khi vắng mặt, chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thay mặt đảm trách quản trị công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên còn lại chọn một người tạm thời giữ chức chủ tịch.

3. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

3.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

3.3 Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

3.4 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; cuộc họp Hội đồng quản trị.

3.5 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 29. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Các cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị được tổ chức ít nhất là mỗi quý một lần, có thể họp thường kỳ hoặc bất thường, có thể họp tại trụ sở công ty hoặc nơi khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:

2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị yêu cầu.

2.2 Có đề nghị ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

2.3 Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

2.4 Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 người quản lý khác.

2.5 Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập (thông qua Ban kiểm soát), Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty;

2.6 Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 02 (hai) tuần sau khi đề xuất. Nếu chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp mà không có lý do chính đáng, các thành viên còn lại có trách nhiệm triệu tập cuộc họp.

3. Thời gian, địa điểm và chương trình họp: Thời gian, địa điểm và chương trình họp phải được thông báo và gửi cho các thành viên Hội đồng trước 05 (năm) ngày làm việc.

4. Điều kiện tiến hành họp: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Quyết định khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện tham dự. Người đại diện chỉ được phép tham dự khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập nhưng số lượng thành viên dự họp không đủ để tiến hành cuộc họp, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện dự họp.

5. Biểu quyết:

5.1 Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết bằng văn bản do chủ tịch Hội đồng quản trị ký. Nghị quyết phải kèm theo Biên bản cuộc họp.

5.2 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định cuối cùng.

6. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác họp thay.

7. Biên bản cuộc họp: Các biên bản sẽ phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

8. Những vấn đề được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc đối với các thành viên trong Công ty.

ĐIỀU 30. TỪ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị họp để xem xét và quyết định.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định hoặc gửi văn bản cho các cổ đông cho ý kiến.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp:

3.1 Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của điều 151 Luật Doanh nghiệp.

3.2 Từ chức;

3.3 Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số thành viên theo quy định của điều lệ này, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐIỀU 31. TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên HĐQT hoặc người khác làm Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 32. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Tổng Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ đại học về chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật, có sức khỏe, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty, hiểu biết pháp luật, có năng lực kinh doanh;

2. Không thuộc các đối tượng được quy định tại khoản 2, Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

ĐIỀU 33. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty

2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

5. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính hàng năm và kế hoạch dài hạn;

6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

7. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc

8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 34. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY:

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện quyền và nhiệm vụ một cách trung thực và mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

2. Không được lạm dụng quyền hạn để phục vụ cho lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác;

3. Không được tiết lộ bí mật của công ty;

4. Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

4.1 Không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý;

4.2 Phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho các chủ nợ biết;

4.3 Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty;

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật .

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 35. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀO BAN KIỂM SOÁT:

1. Tiêu chuẩn thành viên của Ban kiểm soát như sau:

1.1 Được đề cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần của công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;

1.2 Kiểm soát viên phải là người am hiểu luật pháp, có trình độ quản lý kinh tế, có đủ sức khỏe đảm nhiệm công việc.

1.3 Kiểm soát viên không được là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, kế toán trưởng của công ty, hoặc những người có liên quan của họ.

2. Ban kiểm soát có 03 (ba) người, trong đó ít nhất 1 thành viên có nghiệp vụ Tài chính / kế toán do Đại hội đồng cổ đông bầu với đa số phiếu theo thể thức trực tiếp, bỏ phiếu kín. Các thành viên Ban kiểm soát cử một người làm trưởng ban.

3. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông.

Điều 36. QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ, QUYỀN LỢI CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và có thể kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết công việc tồn đọng, kiểm soát viên có thể được bầu

lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị,có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Được hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến kiểm toán.

4. Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo quyết toán tháng, quý và năm tài chánh của công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có). Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định của điều 166 Luật Doanh nghiệp.

5. Thông báo định kỳ 3 tháng/lần tình hình, kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị.

6. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông những sự kiện tài chính bất thường, những ưu và khuyết điểm trong quản lý của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

7. Xem xét các hệ thống kiểm soát nội bộ, những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý công ty.

8. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

9. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của ban nhưng không được phép họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu trong cuộc họp là hai người.

10. Mỗi thành viên Ban kiểm soát mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

10.1 Bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

10.2 Từ chức, từ nhiệm;

10.3 Mất năng lực hành vi dân sự;

10.4 Vắng mặt liên tiếp trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết định rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT:

1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

4. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;

ĐIỀU 38. THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký để giúp việc. Nhiệm vụ của thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Sắp xếp các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

2. Lập biên bản các cuộc họp;

3. Sắp xếp và thực hiện các thủ tục của các cuộc họp;

4. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình.

ĐIỀU 39. CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:

1. Chế độ tuyển dụng: Việc tuyển dụng lao động và trả lương cho người lao động được thực hiện theo các quy định của Luật lao động.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động trong công ty: Thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành đối với người lao động.

Đối với người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động, tự ý bỏ việc thì được giải quyết theo các quy định của Pháp luật về lao động.

3. Thỏa ước lao động tập thể.

Trên cơ sở thương lượng tập thể và tự nguyện, Tổng Giám đốc Công ty và đại diện người lao động công ty sẽ ký một thỏa ước lao động hàng năm gồm những nội dung chủ yếu: Thời gian lao động và nghỉ ngơi, điều kiện làm việc, bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, an toàn lao động, bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể và giải quyết tranh chấp lao động, phù hợp với quy chế hiện hành của Bộ luật lao động.

Chương VI
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 40 : TRẢ CỔ TỨC:

1. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả.

2. Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức, hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức, thời hạn và hình thức trả. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm trả cổ tức.

3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

4. Cổ tức được chi trả bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển vào tài khoản của cổ đông tại ngân hàng nếu cổ đông yêu cầu. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

ĐIỀU 41. TRÍCH QUỸ:

Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, lợi nhuận hàng năm của Công ty được trích lập theo các trình tự sau:

1. Dự phòng bù đắp các khoản chi không được ghi vào chi phí tính thuế của công ty.

2. Trích lập các quỹ:

2.1 Quỹ dự trữ bắt buộc 5% lợi nhuận để dự phòng tài chính cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của công ty;

2.2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Được trích lập từ lợi nhuận theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ

đông quyết định hàng năm để thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty;

2.3 Các quỹ khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 42. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Hệ thống kế toán công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS). Đơn vị tiền tệ hạch toán là đồng Việt Nam.

ĐIỀU 43. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn 90 ngày (chín mươi ngày) kể từ khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính cùng với báo cáo của Ban kiểm soát phải được gửi tới tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít nhất năm ngày trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo tóm tắt tài chính hàng năm được niêm yết tại trụ sở công ty.

4. Báo cáo tài chính phải được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 44. KIỂM TOÁN:

1. Báo cáo tài chính hàng năm của công ty phải được công ty kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc chọn công ty kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Ban kiểm soát.

ĐIỀU 45 : CON DẤU

1. Hình thức, mẫu mã, số lượng con dấu của công ty, công ty con, các nhà máy, chi nhánh, văn phòng đại diện, các tổ chức chính trị, đoàn thể trực thuộc công ty được cơ quan chức năng cấp trước đây và đã đăng ký mẫu dấu vẫn giữ nguyên để sử dụng, quản lý như hiện tại. Công ty có quyền quyết định hình thức, số lượng, mẫu mã, nội dung con dấu và thực hiện đăng ký con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mọi thay đổi về hình thức, mẫu mã, số lượng con dấu và quy chế sử dụng con dấu do HĐQT quyết định.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty sử dụng và quản lý con dấu theo đúng quy định của pháp luật.

Chương VII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 46. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

1.1 Toà án tuyên bố công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

1.2 Giải thể trước thời hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

1.3 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

ĐIỀU 47. THANH LÝ

1. Sau khi có quyết định giải thể công ty, đại hội đồng cổ đông thành lập ban thanh lý thay thế cho Hội đồng quản trị. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Ban thanh lý cùng với Ban kiểm soát chuẩn bị các thủ tục theo quy định để thực hiện công việc của mình. Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập để giúp việc.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động, ngày giải thể. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

3. Số tiền thu được từ thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1 Các chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý;

3.2 Tiền lương và các chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

3.3 Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà công ty phải trả cho Nhà nước;

3.4 Các khoản vay (nếu có);

3.5 Các khoản nợ khác của công ty;

3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản nợ được nêu trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

ĐIỀU 48. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công ty hay tới quyền của các cổ đông, giữa:

1.1 Một cổ đông hay các cổ đông với công ty;

1.2 Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ Quản lý cao cấp:

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố liên quan tới tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

2. Khi tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể đề cử một bên thứ ba độc lập với tư cách là trọng tài để giải quyết tranh chấp.

3. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

4. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 49. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ:

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty. Tại kỳ đại hội đồng cổ đông gần nhất, các nội dung nói trên phải được đưa vào bản điều lệ sửa đổi bổ sung.
3. Tại kỳ đại hội đồng cổ đông gần nhất, các cổ đông sẽ biểu quyết thông qua các nội dung của điều lệ cần thay đổi cho phù hợp với các quy định mới của pháp luật. Khi bản điều lệ sửa đổi gần nhất được ban hành, các bản điều lệ ban hành các lần trước đương nhiên hết hiệu lực thực hiện.

ĐIỀU 50. HIỆU LỰC THI HÀNH:

1. Điều lệ của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai gồm 8 chương 50 điều đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp và được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 26 tháng 4 năm 2016
2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2016

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám Đốc

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG